

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-9-2021.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Hồng Nương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trung – Chủ tịch Hội nông dân quận M.
2. Ông Nguyễn Văn Triệu – Hiệu trưởng Trường PTTH Lương Đình Của.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ttân Thị T**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận M, TP Cần Thơ. *Có đơn xin vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận M, TP Cần Thơ. *Có đơn xin vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-4-2021, trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:*

Do quen biết nên vào năm 2015, chị Ttân Thị T và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận M, thành phố Cần Thơ

theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có 01 người con chung, họ và tên là Nguyễn Trần Bảo T, sinh ngày 03/6/2015.

Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên bất hòa về tình cảm, kinh tế gia đình, vợ chồng cũng đã tìm cách hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không đạt kết quả mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung*: Chị T tự xác định con chung Nguyễn Trần Bảo T, sinh ngày 03/6/2015 hiện do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên chị T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)/ 01 tháng cho tới khi con Đ 18 tuổi.

- *Tài sản chung*: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị T tự xác định không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 20/5/2021, bị đơn- anh Nguyễn Văn Đ trình bày:**  
Anh xác định quá trình chung sống cũng như thời gian kết hôn như chị T đã trình bày. Về mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình như chị T đã trình bày là có, hai bên bất đồng quan điểm về tình cảm, bất đồng về kinh tế, cãi vã thường xuyên, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn. Do đó anh Đ đồng ý ly hôn với chị T.

- *Về con chung*: Anh Đ tự xác định vợ chồng có 01 con chung, họ và tên là Nguyễn Trần Bảo T, sinh ngày 03/6/2015. Hiện nay, con do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Thống nhất với ý kiến của chị T, yêu cầu Tòa án giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng tới trưởng thành, anh Đ đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị T mà trình bày, với mức cấp dưỡng cho con là 3.000.000 đồng/ 01 tháng. Thời gian cấp

dưỡng nuôi con từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- *Tài sản chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do đương sự có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn chị Ttân Thị T yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ, bị đơn cư trú tại khu vực T, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. Đây là vụ án Hôn nhân & Gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ttân Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2015 tại UBND phường T, quận M, thành phố Cần Thơ, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét chị T, anh Đ đều cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về tình cảm,

kinh tế, anh chị không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh chị đều có yêu cầu xin ly hôn. Qua đó, thể hiện hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Đ là có cơ sở nên được chấp nhận theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét về con chung: Anh chị tự xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Bảo T, sinh ngày 03/6/2015. Hiện nay, con do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên chị T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết giao con cho anh Đ nuôi dưỡng con chung tới trưởng thành và anh Đ cũng thống nhất yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con. Để tránh xáo trộn trong cuộc sống của con chung, xét thấy cần phải giao con chung cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị T thực hiện quyền này.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân & Gia đình quy định: “2. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Nay chị T là người không trực tiếp nuôi con và chị có yêu cầu được cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/1 tháng, anh Đ đồng ý với mức cấp dưỡng này. Do vậy, để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con nên chấp nhận mức cấp dưỡng theo yêu cầu tự nguyện thống nhất giữa các bên đương sự là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự xác định không có, không yêu cầu toà án giải quyết, tại phiên tòa các đương sự vắng mặt. Do đó, về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

[8] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### Căn cứ:

- Các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2/ Về con chung: Giao con chung họ và tên là Nguyễn Trần Bảo T, sinh ngày 03/6/2015 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Trần Thị T, không ai được quyền ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

4/ Về án phí:

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Trần Thị T phải nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 011619 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ.

- *Về án phí cấp dưỡng*: Chị Trần Thị T phải nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q. M;
- Chi cục THADS Q. M;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND Phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lưu Thị Hồng Nương**

